

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 295/2022/DS-ST

Ngày: 28/7/2022

V/ v tranh chấp “Hợp đồng vay
tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO - TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Ngọc Hạnh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà **Nguyễn Thị Cẩm Giang**.

2/ Bà **Lê Thị Ngọc Ánh**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Thơ** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Ông **Đỗ Huỳnh Thanh Tân**- Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 37/2022/TLST-DS ngày 11/02/2022, vụ án thụ lý số: 55/2022/TLST-DS ngày 28/02/2022 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định nhập vụ án số: 148/2022/QĐST-DS ngày 06/6/2022 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2022/QĐXXST-DS ngày 04/7/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1971 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1979 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp L, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị C và chị Nguyễn Thị B: Chị Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh năm 1988 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện E, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1982 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp X, xã Y, huyện E, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện, Bản khai và tại phiên Tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị Huỳnh N là đại diện ủy quyền của các nguyên đơn trình bày:

Chị Nguyễn Thị P có mối quan hệ quen biết với chị Nguyễn Thị C và chị Nguyễn Thị B (tên thường gọi là Nguyễn Thị Z).

Ngày 06/11/2020, chị Nguyễn Thị C có cho chị Nguyễn Thị P mượn số tiền 16.000.000 đồng, thời hạn mượn là 30 ngày, hai bên không thỏa thuận lãi suất. Khi mượn tiền, chị P có viết và ký tên vào biên nhận. Tuy nhiên, từ ngày mượn tiền đến nay, chị P vẫn chưa trả cho chị C được số tiền nào. Nay chị Nguyễn Thị C yêu cầu chị Nguyễn Thị P trả cho chị C số tiền 16.000.000 đồng, chị C không yêu cầu tính lãi suất.

Chị Nguyễn Thị B (tên thường gọi là Nguyễn Thị Z) có cho chị Nguyễn Thị P mượn tiền 02 lần, cụ thể như sau:

+ Ngày 23/11/2020, chị B cho chị P mượn số tiền 40.000.000 đồng, thời hạn mượn là 30 ngày, hai bên không thỏa thuận lãi suất. Khi mượn tiền, chị P có viết và ký tên vào Giấy mượn tiền.

+ Ngày 30/11/2020, chị B cho chị P mượn số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn mượn là 30 ngày, hai bên không thỏa thuận lãi suất. Khi mượn tiền, chị P có viết và ký tên vào Giấy mượn tiền.

Tổng cộng, chị B cho chị P mượn số tiền 70.000.000 đồng. Tuy nhiên, từ ngày mượn tiền đến nay, chị P vẫn chưa trả cho chị B được số tiền nào. Nay chị Nguyễn Thị B yêu cầu chị Nguyễn Thị P trả cho chị B số tiền 70.000.000 đồng, chị B không yêu cầu tính lãi suất.

Tại bản khai ngày 19/5/2022 chị Nguyễn Thị P trình bày: chị có mượn tiền chị Nguyễn Thị C nhiều lần với tổng số tiền là 70.000.000 đồng, không có làm biên nhận. Do chị C và chị Nguyễn Thị Z (Nguyễn Thị B) là chị em ruột nên chị C nói với chị trả tiền thì cứ đưa cho chị Z. Chị đã trả tiền cho chị C thông qua chị Z nhiều lần với tổng số tiền là 30.000.000 đồng, còn nợ lại 40.000.000 đồng nên chị Z kêu chị viết Biên nhận với số nợ 40.000.000 đồng, chị không nhớ thời gian viết biên nhận.

Sau đó, chị tiếp tục đưa cho chị Z 10.000.000 đồng, còn nợ lại 30.000.000 đồng nên chị Z tiếp tục kêu chị viết biên nhận khác với số tiền 30.000.000 đồng nhưng chị quên kêu chị Z bỏ Giấy mượn nợ số tiền 40.000.000 đồng. Chị vẫn đưa cho chị Z đến mừng 06/11/2020, chị và chị C chốt nợ lại là 16.000.000 đồng, chị có viết biên nhận nợ với chị C số tiền 16.000.000 đồng. Chị thừa nhận Giấy mượn tiền ngày 23/11/2020 và Giấy mượn tiền ngày 30/11/2020 là do chị viết và ký tên. Do đó, chị đồng ý trả cho chị Nguyễn Thị C số tiền 16.000.000 đồng. Chị không đồng ý trả số tiền 70.000.000 đồng theo yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị B (Nguyễn Thị Z).

Quá trình tố tụng, Chị Nguyễn Thị C và chị Nguyễn Thị B không thừa nhận lời trình bày của chị Nguyễn Thị P. Chị C xác định số tiền 16.000.000 đồng mà chị P nợ chị

không liên quan đến khoản nợ 70.000.000 đồng chị P nợ chị B. Chị Nguyễn Thị B xác định chị không biết số nợ 16.000.000 đồng chị P nợ chị C, đối với số nợ 70.000.000 đồng chị P nợ chị không liên quan đến số nợ chị P nợ chị C.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của chị C và chị B không thừa nhận lời trình bày của chị P, thống nhất ý kiến trình bày của chị C và chị B trong quá trình tố tụng, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc chị Nguyễn Thị P trả cho chị C số tiền 16.000.000 đồng, chị C không yêu cầu tính lãi suất và buộc chị Nguyễn Thị P trả cho chị B số tiền 70.000.000 đồng, chị B không yêu cầu tính lãi suất.

Các đương sự không còn yêu cầu nào khác.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa có ý kiến phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, Thẩm phán và Thư ký chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đối với bị đơn đã được Tòa triệu tập hợp lệ đúng quy định nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, chị C có cung cấp Giấy mượn tiền ngày mùng 6/11 có chữ ký và chữ viết của Chị P. Chị P cũng thừa nhận có viết và ký tên vào giấy mượn này. Chị C yêu cầu chị P trả số tiền 16.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất, chị P cũng đồng ý trả, nên yêu cầu khởi kiện của Chị C có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị B (tên thường gọi là Nguyễn Thị Z) đã cung cấp Giấy mượn tiền ngày 23/11/2020 thể hiện số tiền chị P mượn là 40.000.000 đồng và ngày 30/11/2020 thể hiện số tiền chị P mượn là 30.000.000 đồng. Chị P thừa nhận có viết và ký tên vào các giấy mượn tiền này nhưng việc viết và ký các giấy nợ chỉ để thể hiện khoản nợ còn lại của chị với chị C nhưng chị P không cung cấp được chứng cứ chứng minh lời trình bày của chị, trong các giấy mượn cũng thể hiện chị P mượn tiền của chị Z. Do đó việc chị B (tên thường gọi là Z) khởi kiện yêu cầu chị P trả nợ là có cơ sở.

Việc chị P trình bày khi trả tiền cho chị C thông qua chị B có sự chứng kiến của O và I, chị sẽ cung cấp thông tin của O và I trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày 19/5/2022 nhưng đến nay chị không cung cấp. Tại phiên tòa cũng như quá trình giải quyết vụ án chị P vắng mặt không có lý do, điều đó cho thấy chị từ chối quyền chứng minh của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị C và chị B.

Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị C và Nguyễn Thị B, buộc chị P trả cho chị C số tiền 16.000.000 đồng và trả cho chị B số tiền 70.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị C khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị P trả cho chị C số tiền mượn 16.000.000 đồng, chị C không yêu cầu tính lãi suất; Chị Nguyễn Thị B khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị P trả cho chị B số tiền mượn 70.000.000 đồng, chị B không yêu cầu tính lãi suất. Do đó tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo.

[2] Về sự có mặt của đương sự: Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng qui định nhưng chị Nguyễn Thị P vắng mặt mà không vì sự việc bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, do đó Toà án xét xử vắng mặt chị P theo qui định.

[3] Về các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, ý kiến trình bày, tranh luận của đương sự và căn cứ giải quyết vụ án:

[3.1] Đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị B:

Theo Đơn xin xác nhận ngày 27/4/2022 của chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1979; Địa chỉ: Ấp L, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang, có chính quyền địa phương xác nhận chị Nguyễn Thị B có tên thường gọi là Nguyễn Thị Z.

Quá trình tố tụng, chị P trình bày chị mượn chị C nhiều lần với tổng số tiền là 70.000.000 đồng, không có làm biên nhận. Do chị C đề nghị chị trả tiền thì đưa cho chị Z nên chị đã trả tiền cho chị C thông qua chị Z nhiều lần với tổng số tiền là 30.000.000 đồng, còn nợ lại 40.000.000 đồng, chị viết Biên nhận nợ 40.000.000 đồng. Sau đó, chị tiếp tục đưa cho chị Z 10.000.000 đồng, còn nợ lại 30.000.000 đồng nên chị viết biên nhận khác với số tiền 30.000.000 đồng nhưng chị quên kêu chị Z bỏ Giấy mượn nợ số tiền 40.000.000 đồng. Chị thừa nhận Giấy mượn tiền ngày 23/11/2020 và Giấy mượn tiền ngày 30/11/2020 là do chị viết và ký tên.

Tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 quy định:

“2. Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”.

Xét chứng cứ chị Nguyễn Thị B (Nguyễn Thị Z) cung cấp là Giấy mượn tiền ngày 23/11/2020 có nội dung chị Nguyễn Thị P mượn của chị Nguyễn Thị Z số tiền 40.000.000 đồng và Giấy mượn tiền ngày 30/11/2020 có nội dung chị Nguyễn Thị P

mượn của chị Nguyễn Thị Z số tiền 30.000.000 đồng. Trong các biên nhận ngày 23/11/2020 và biên nhận ngày 30/11/2020 thể hiện chị P mượn tiền của chị Z, không phải mượn tiền của chị C.

Quá trình tố tụng chị P trình bày khi chị đưa tiền cho chị B (Z) thì có O và I chứng kiến. Tòa án đã thực hiện thủ tục yêu cầu chị P cung cấp họ tên, địa chỉ của O và I để đưa vào tham gia tố tụng theo quy định nhưng chị P không cung cấp thông tin theo yêu cầu của Tòa án.

Tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 quy định:

“ 2. Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”.

“4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”.

Lời trình bày của chị P không được chị C và chị B thừa nhận, Chị P cũng không nộp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

Do đó, việc chị Nguyễn Thị B (Nguyễn Thị Z) yêu cầu chị P trả số tiền 70.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất là có cơ sở, phù hợp với tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, không trái với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị C:

Xét chứng cứ chị Nguyễn Thị C cung cấp là Giấy mượn tiền ngày 06/11/2020 thể hiện chị Nguyễn Thị P có mượn chị Nguyễn Thị C số tiền 16.000.000 đồng. Do đó việc chị C yêu cầu chị P trả số tiền 16.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất là có cơ sở, không trái với quy định của pháp luật, quá trình tố tụng chị Nguyễn Thị P cũng đồng ý trả nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về Điều luật áp dụng: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2, khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 470, Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Nhận định ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo: Tại Tòa, đại diện Viện kiểm sát có ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án không có lý do

dù được Tòa án triệu tập hợp lệ là chưa thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Các đương sự không có yêu cầu nào khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị P chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2, khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 470, Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: - Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị C.

Buộc chị Nguyễn Thị P phải trả cho chị Nguyễn Thị C số tiền 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng).

- Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị B.

Buộc chị Nguyễn Thị P phải trả cho chị Nguyễn Thị B số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu 4.300.000 đồng (Bốn triệu ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại chị Nguyễn Thị C số tiền 400.000 đồng (Bốn trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005416 ngày 11/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Hoàn lại chị Nguyễn Thị B số tiền 1.750.000 đồng (Một triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005461 ngày 22/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Các nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn Nguyễn Thị P có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.
- VKS nhân dân huyện Chợ Gạo.
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Ngọc Hạnh